

**BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN K**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **569** /BVK-KD
V/v đề nghị báo giá thuốc

Hà Nội, ngày **27** tháng 02 năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị kinh doanh thuốc.

Bệnh viện K trân trọng cảm ơn các đơn vị đã hợp tác với Bệnh viện trong thời gian qua.

Bệnh viện K đang xây dựng kế hoạch mua sắm thuốc năm 2026-2027. Bệnh viện K kính mời các đơn vị quan tâm, có khả năng cung cấp thuốc (theo danh mục chi tiết tại Phụ lục 1) gửi Báo giá về Bệnh viện K để tổng hợp, lập kế hoạch mua sắm.

Báo giá của Quý đơn vị theo Mẫu báo giá tại Phụ lục 2 đính kèm Công văn này đề nghị gửi về Bệnh viện K (địa chỉ: Số 30 Cầu Bươu, phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội). Thời gian nhận tài liệu từ 08h00 đến 17h00 hàng ngày và trước 17h ngày **09/03/2026**.

Thông tin chi tiết vui lòng liên hệ: DS Nguyễn Mạnh Tuấn (SĐT: 033.572.0186, khoa Dược Bệnh viện K).

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hệ thống mạng DTQG;
- Trang TTĐT Bệnh viện K;
- Lưu: VT, KD (T)



GIÁM ĐỐC

Lê Văn Quảng

BỘ Y TẾ
BỆNH VIỆN K



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Công văn số 569 /BVK-KD ngày 27/02/2026 của Bệnh viện K)

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT/ Tên thuốc	Nồng độ-hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
1	Abemaciclib	1	150mg	Uống	Viên	Viên	5.760
2	Abemaciclib	1	50mg	Uống	Viên	Viên	2.880
3	Abiraterone acetate	3	250mg	Uống	Viên	Viên	60.000
4	Abiraterone acetate	5	500mg	Uống	Viên	Viên	35.000
5	Acid amin	2	10%/ 200ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Túi	40.000
6	Acid amin	4	5%/ 250ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Túi	100.000
7	Acid gadoteric	Dotarem hoặc tương đương	0,5mmol/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	15.000
8	Acidum diaethylentriamino-pentaaceticum (DTPA)	1	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	100
9	Afatinib	4	40mg	Uống	Viên	Viên	11.200
10	Anidulafungin	2	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	600
11	Aprepitant	1	80mg và 125mg	Uống	Viên	Hộp chứa 3 viên (1 viên 125mg và 2 viên 80mg)	1.000
12	Atezolizumab	1	1875mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	140
13	Cao khô lá Actiso 4-6:1	1	55mg	Uống	Viên	Viên	2.000
14	Carboplatin	4	150mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	32.000
15	Carboplatin	2	150mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	16.000
16	Carboplatin	4	450mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ	6.500
17	Carboplatin	2	450mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	4.000
18	Cisplatin	2	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	27.000
19	Cisplatin	4	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	27.000
20	Cisplatin	2	50mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ	12.600
21	Cisplatin	4	50mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ	12.600
22	Cyclophosphamid	1	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	32.000

10/3

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT/ Tên thuốc	Nồng độ-hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
23	Dacarbazin	4	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	5.000
24	Daratumumab	5	1800mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	20
25	Daunorubicin	2	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	350
26	Denosumab	XGEVA hoặc tương đương	120mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	800
27	Diazepam	4	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	6.000
28	Diazepam	1	5mg	Uống	Viên	Viên	230.000
29	Enzalutamid	Xtandi 40mg hoặc tương đương	40mg	Uống	Viên nang	Viên	30.000
30	Erlotinib	1	150mg	Uống	Viên	Viên	20.000
31	Erlotinib	3	150mg	Uống	Viên	Viên	35.000
32	Ertapenem	Invanz hoặc tương đương	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	1.000
33	Fentanyl	1	0,5mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	15.000
34	Fentanyl	5	0,5mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	17.500
35	Fentanyl	2	0,5mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	17.500
36	Filgrastim	1	300mcg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống/Bơm tiêm	30.000
37	Fluorine 18 Fluorodeoxyglucose (F-18FDG)	5	200-400mCi/lần giao (hoạt độ đo tại Nhà sản xuất)	Tiêm	Thuốc tiêm	mCi	130.000
38	Fluorouracil	1	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	20.000
39	Gefitinib	3	250mg	Uống	Viên	Viên	49.000
40	Gelatin khan; Natri clorid; Magnesi clorid hexahydrat; Kali clorid; Natri lactat	1	(15g + 2,691g + 0,1525g + 0,1865g + 1,68g)/ 500ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Túi	2.750
41	Gemcitabin	Gemzar hoặc tương đương	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	2.800
42	Gemcitabin	2	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	11.200
43	Gemcitabin	4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	15.000

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT/ Tên thuốc	Nồng độ-hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
44	Gemcitabin	Gemzar hoặc tương đương	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	2.800
45	Gemcitabin	2	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	11.200
46	Gemcitabin	4	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	15.000
47	Granisetron	2	1mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	48.000
48	Ifosfamid	1	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	17.000
49	Imatinib	Glivec 100mg hoặc tương đương	100mg	Uống	Viên	Viên	160.000
50	Isoleucine + Leucine + Lysine hydrochloride + Methionine + Phenylalanine + Threonine + Tryptophan + Valine + Arginine + Histidine + Alanine + Glycine + Aspartic acid + Glutamic Acid + Proline + Serine + Tyrosine + Sodium acetate trihydrate + Sodium hydroxide + Potassium acetate + Sodium chloride + Magnesium chloride hexahydrate + Disodium phosphate dodecahydrate	Aminoplasmal B.Braun 5% E 250ml hoặc tương đương	(0,625gam + 1,1125gam + 1,07gam + 0,55gam + 0,5875gam + 0,525gam + 0,20gam + 0,775gam + 1,4375gam + 0,375gam + 1,3125gam + 1,50gam + 0,70gam + 0,90gam + 0,6875gam + 0,2875gam + 0,10gam + 0,34025gam + 0,035gam + 0,61325gam + 0,241gam + 0,127gam + 0,89525gam)/250ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ	60.000
51	Ketamin	1	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	400
52	Lenalidomid	2	5mg	Uống	Viên nang	Viên	6.500
53	Lenalidomid	2	10mg	Uống	Viên nang	Viên	40.000
54	Lenalidomid	2	25mg	Uống	Viên nang	Viên	20.000
55	Levothyroxine natri	Levothyrox hoặc tương đương điều trị	25mcg	Uống	Viên	Viên	100.000


 PHÒNG VI
 K



STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT/ Tên thuốc	Nồng độ-hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
56	Levothyroxine natri	Levothyrox hoặc tương đương điều trị	50mcg	Uống	Viên	Viên	2.500.000
57	Levothyroxine natri	Levothyrox hoặc tương đương điều trị	75mcg	Uống	Viên	Viên	500.000
58	Levothyroxine natri	Levothyrox hoặc tương đương điều trị	100mcg	Uống	Viên	Viên	250.000
59	Mediumchain triglycerides + Soya-bean Oil + Omega-3-acid triglyceride Oil	Lipidem hoặc tương đương	20%/ 250ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ	16.000
60	Methylene diphosphonate (MDP)	4	5mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	1.500
61	Midazolam	1	5mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	9.000
62	Midazolam	4	5mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	21.000
63	Mo-99/Tc-99m (Technetium-99m)	1	≥540 mCi/ Bình (hoạt độ đo tại ngày thứ 2 hàng tuần)	Tiêm	Thuốc tiêm	Bình	55
64	Mo-99/Tc-99m (Technetium-99m)	1	≥675 mCi /bình (hoạt độ đo tại ngày thứ 2 hàng tuần)	Tiêm	Thuốc tiêm	Bình	15
65	Mo-99/Tc-99m (Technetium-99m)	2	≥810 mCi/ Bình (hoạt độ đo tại ngày thứ 2 hàng tuần)	Tiêm	Thuốc tiêm	Bình	30
66	Morphin hydroclorid	4	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	60.000
67	Morphin sulfat	4	10mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	60.000
68	Morphin sulfat	4	30mg	Uống	Viên nang	Viên	95.000
69	Natri Iodua (NaI131)	1	50mCi	Uống	Viên nang	mCi	4.800
70	Natri Iodua (NaI131)	1	100mCi	Uống	Viên nang	mCi	33.600
71	Natri Iodua (NaI131)	1	150mCi	Uống	Viên nang	mCi	9.600
72	Natri Iodua (NaI131)	2	100 - 10.000 mCi/ lọ	Uống	Dung dịch/Hỗn dịch/Nhũ dịch uống	mCi	28.800

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT/ Tên thuốc	Nồng độ-hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
73	Natri Iodua (NaI131)	2	1-200 mCi/Viên	Uống	Viên nang	mCi	48.000
74	Natri Iodua (NaI131)	4	100-1.000 mCi/Lọ	Uống	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	mCi	43.200
75	Natri Iodua (NaI131)	4	1-100 mCi/viên	Uống	Viên nang	mCi	72.000
76	Nhũ tương lipid (Medium-chain Triglycerides + Soya-bean Oil)	Lipofundin MCT/LCT 10% hoặc tương đương	10%/ 250ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ	36.000
77	Ondansetron	1	4mg	Uống	Viên hòa tan nhanh	Viên	40.000
78	Osimertinib	4	80mg	Uống	Viên	Viên	25.000
79	Palbociclib	1	75mg	Uống	Viên	Viên	756
80	Pethidine hydrochlorid	1	100mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	6.000
81	Povidon iod	1	10% (kl/tt) x 125ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	Chai/Lọ	24.000
82	Propofol	1	1% (10mg/ml) x 20ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	26.000
83	Regorafenib	4	40mg	Uống	Viên	Viên	10.800
84	Retinol palmitate tương đương Retinol + Cholecalciferol + DL alpha-tocopherol tương đương alpha-tocopherol + Acid Ascorbic + Cocarboxylase tetrahydrate tương đương Thiamine + Riboflavin dihydrate sodium phosphate tương đương Riboflavin + Pyridoxine hydrochloride tương đương Pyridoxin + Cyanocobalamine + Folic acid + Dexpantenol tương đương Pantothenic acid + D-Biotin + Nicotinamide	1	3500IU + 220IU + 11,2IU + 125mg + 3,51mg + 4,14mg + 4,53mg + 0,006mg + 0,414mg + 17,25mg + 0,069mg + 46mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	20.000

28/5

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT/ Tên thuốc	Nồng độ-hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
85	Ropivacain HCl	Anaropin hoặc tương đương	5mg/ml x 10ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	3.000
86	Samarium (153Sm) lexicidronam pentasodium (Samarium 153-EDTMP)	1	108 mCi/lọ	Tiêm	Thuốc tiêm	mCi	5.000
87	Sodium oxidronat (HDMP) (Hydroxymethylened phosphonate)	1	3mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ/Ống	350
88	Sugammadex	2	200mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Lọ/Ống	2.400
89	Sunitinib	4	12,5mg	Uống	Viên nang	Viên	2.880
90	Túi 2 ngăn (Acid amin + Glucose + Điện giải)	1	(40g + 80g + điện giải)/1000ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Túi	5.000
91	Túi dinh dưỡng 3 ngăn (Acid amin + Glucose + Lipid)	1	(40g+80g+50g)/1250ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Túi	6.000
92	Túi dinh dưỡng 3 ngăn (Acid amin + Glucose + Lipid)	2	11,3%/199,68ml + 11%/590,4ml + 20%/169,92ml	Tiêm	Thuốc tiêm	Chai/Túi	6.000

Phụ lục 2. MẪU BÁO GIÁ

(Gửi kèm Công văn số **569** /BVK-KD ngày **27** tháng **02** năm **2026** của Bệnh viện K)

Tên đơn vị:
Mã số thuế:
Địa chỉ:
Người đại diện/liên hệ:
SDT liên hệ:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..... ngày tháng năm

Kính gửi: Bệnh viện K

Chúng tôi xin gửi danh mục và giá dự kiến, các sản phẩm Công ty hiện đang phân phối như sau:

Tên thuốc	Hoạt chất	Nhóm theo TT40	Nồng độ - hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Số đăng ký/ Số GPNK	Cơ sở sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Đơn vị tính	Số lượng (Theo PL1)	Đơn giá (đã có VAT, VNĐ)	Giá kê khai (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)

Báo giá này có hiệu lực đến ngày:.....

Giám đốc đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Lưu ý:

- Giá đã bao gồm thuế VAT, phí vận chuyển và các loại phí, lệ phí khác.
- Đơn vị chịu trách nhiệm về các tài liệu làm căn cứ phân nhóm kỹ thuật theo quy định tại Thông tư quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập.
- Báo giá phải có hiệu lực tối thiểu 06 tháng kể từ ngày ký.
- Đề nghị Quý công ty làm bảng báo giá theo đúng mẫu Bệnh viện đã gửi, không thêm bớt các cột để thuận tiện cho Bệnh viện tổng hợp.
- Trong trường hợp Đơn giá báo giá của Quý đơn vị cao hơn giá trúng thầu cao nhất được công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Y tế/Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia (<https://muasamcong.mpi.gov.vn/>) hoặc chưa được công bố trên trang thông tin điện tử của Bộ Y tế/ Hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia (<https://muasamcong.mpi.gov.vn/>), đề nghị nhà thầu cung cấp kết quả trúng thầu (nếu có) với đơn giá trúng thầu lớn hơn hoặc bằng đơn giá báo giá.